

Bản án số: **01/2017/LĐ-ST**

Ngày: **10/4/2017**

V/v: “**Tranh chấp về thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội**”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **NGUYỄN THỊ HOA**

2/ Ông **NGUYỄN LỚN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐOÀN VŨ KIM KÚC** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **PHAN THỊ MỸ NGÂN** – Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 07/2016/LĐST ngày 15 tháng 11 năm 2016 về việc: “**Tranh chấp về thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-LĐ ngày 01/3/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/QĐHPT-LĐ ngày 24/3/2017 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **L**

Địa chỉ: thôn Đ xã Đ, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng **T**

Địa chỉ: S, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo pháp luật: Ông **T** – Giám đốc Công ty TNHH xây dựng **T**. Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội thị xã **N**.

Đại diện theo pháp luật: Bà **M** – Phó giám đốc phụ trách

Địa chỉ: đường C, phường P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **L** trình bày: Ngày 01/10/2009, bà có ký hợp đồng lao động số: 07/2009 với Công ty TNHH xây dựng **T** do ông **T** làm Giám đốc. Vào tháng 5/2012, bà sinh con nên nghỉ sinh theo chế độ từ tháng 5/2012 đến tháng 9/2012, có hưởng chế độ bảo hiểm thai sản theo quy định của luật Bảo hiểm xã hội nhưng vì lý do Công ty còn nợ tiền của Bảo hiểm xã hội nên bảo hiểm không giải quyết chế

độ cho bà. Tháng 12/2015, Bảo hiểm xã hội thị xã N giải quyết chế độ bảo hiểm thai sản cho bà với số tiền: 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng Công ty không thanh toán lại cho bà. Tháng 11/2016 bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên đến ngày 22/3/2017 Công ty có trả được cho bà số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đến nay không tiếp tục trả số tiền còn lại. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng T phải trả cho bà số tiền còn lại là: 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) ngay một lần.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng T do ông T – Đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thị xã N – Đại diện bà M trình bày: Bảo hiểm xã hội thị xã N đã lập UNC số: 431 ngày 30/12/2015 với số tiền: 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) cho đơn vị Công ty TNHH xây dựng T để chi trả chế độ BHXH cho bà L. Bảo hiểm xã hội thị xã N đã thực hiện chuyển tiền trợ cấp thai sản trong quý 4/2015 theo danh sách đề nghị giải quyết chế độ ốm đau, thai sản đã được bộ phận chế độ Bảo hiểm xã hội duyệt đối với Công ty TNHH xây dựng T kịp thời khi đơn vị đề nghị, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Hiện nay, do người sử dụng lao động đã chiếm dụng tiền hưởng BHXH của người lao động, về phía cơ quan BHXH thị xã N đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Công ty TNHH xây dựng T do ông T – Đại diện theo pháp luật có trụ sở tại thôn Nhĩ Sự, xã Ninh Thân, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay, Công ty TNHH xây dựng T vẫn đang hoạt động kinh doanh nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm d, khoản 1, Điều 32; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

* **Về nội dung vụ án:** Bà L với Công ty TNHH xây dựng T do ông T làm Giám đốc có ký hợp đồng lao động số: 07/2009 ngày 01/10/2009 với công việc được giao tại Công ty là kế toán bán hàng cho đến tháng 12/2012. Từ tháng 5/2012 bà sinh con nên nghỉ theo chế độ thai sản đến tháng 9/2012. Tại thời điểm nghỉ chế độ thai sản thì bà có yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã N chi trả khoản tiền được hưởng theo quy định nhưng do Công ty TNHH xây dựng T còn nợ tiền của Bảo hiểm xã hội nên Bảo hiểm xã hội thị xã N không chi trả để giải quyết chế độ thai sản cho bà. Đến quý 4/2015, cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã N đã thực hiện việc chi trả tiền trợ cấp thai sản cho bà L là nhân viên của Công ty TNHH xây dựng T theo phiếu UNC số: 431 ngày 30/12/2015 với số tiền: 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Nhưng đến ngày 22/3/2017 Công ty mới trả được cho bà số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đến nay Công ty TNHH xây dựng T vẫn không chi trả tiếp số tiền trợ cấp thai sản còn lại cho bà Liên, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Buộc Công ty TNHH Xây dựng

T phải có trách nhiệm trả cho bà Liên số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền trợ cấp thai sản theo chế độ Bảo hiểm xã hội ngay một lần.

Về án phí: Công ty TNHH xây dựng T phải chịu án phí Lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, Điều 157 Bộ luật lao động;
- Căn cứ vào các Điều 30; 31; 101 và Điều 102 Luật bảo hiểm xã hội;
- Căn cứ khoản 1, Điều 32; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH xây dựng T phải trả cho bà L số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền trợ cấp thai sản theo chế độ Bảo hiểm xã hội ngay một lần.

Quy định: Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH xây dựng T chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH xây dựng T phải chịu 330.000 đồng án phí Lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N;
- Những người TGTT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH

